

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....



Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng

Quý I năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 16513
	Ngày: 11/05/17
Chuyển:	NYA
Lưu hồ sơ số:

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 40

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("KH&ĐT") Tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 3 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán QCG, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 8 năm 2010 theo Quyết định số 156/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 27 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là phát triển và kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng công trình thủy điện và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Nhà máy Thủy điện Iagrai 1, tọa lạc tại Làng H'Lủ, Xã Ia Tô, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và một văn phòng đại diện tại Số 26, Đường Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Như Loan	Chủ tịch	
Ông Lại Thế Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	
Ông Hồ Việt Mạnh	Thành viên	
Bà Trần Thị Tuyết	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Bích Thủy	Trưởng ban	
Ông Đào Quang Diệu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2016

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Như Loan	Tổng Giám đốc
Ông Lại Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Như Loan.

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho Quý 1 tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Tập đoàn để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Thị Như Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5,974,067,208,866	6,081,372,309,795
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	100,471,087,199	101,651,241,731
111	1. Tiền		50,471,087,199	8,651,241,731
112	2. Các khoản tương đương tiền		50,000,000,000	93,000,000,000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		16,650,000,000	17,230,000,000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	16,650,000,000	17,230,000,000
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		415,420,667,062	412,328,015,061
131	1. Phải thu khách hàng	6	93,242,080,652	120,531,841,788
132	2. Trả trước cho người bán	6	206,611,014,330	92,179,528,286
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	128,121,902,043	212,170,974,950
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12,554,329,963)	(12,554,329,963)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	8	5,433,985,925,778	5,540,973,816,843
141	1. Hàng tồn kho		5,466,586,877,535	5,573,574,768,600
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32,600,951,757)	(32,600,951,757)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		7,539,528,827	9,189,236,160
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1,166,636,825	181,573,075
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4,064,070,771	6,718,777,543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2,308,821,231	2,288,885,542
155	4. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2,181,492,213,568	2,133,495,349,343
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	9	275,385,600,000	243,505,600,000
216	6. Phải thu dài hạn khác		275,385,600,000	243,505,600,000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>	10	286,786,569,442	289,939,083,256
221	1. Tài sản cố định hữu hình		239,152,469,933	242,298,645,083
222	Nguyên giá		317,226,916,610	319,828,194,943
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(78,074,446,677)	(77,529,549,860)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	47,634,099,509	47,640,438,173
228	Nguyên giá		47,723,569,120	47,723,569,120
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(89,469,611)	(83,130,947)
230	<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	13	21,724,230,605	21,929,896,734
231	Nguyên giá		27,412,370,931	27,412,370,931
232	Giá trị khấu trừ lũy kế		(5,688,140,326)	(5,482,474,197)
240	<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	12	500,503,240,127	480,986,204,765
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		500,503,240,127	480,986,204,765
250	<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	14	1,096,841,511,079	1,096,841,511,079
251	1. Đầu tư vào công ty con		758,509,090,930	758,509,090,930
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		387,797,006,663	387,797,006,663
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn dài hạn		(49,464,586,514)	(49,464,586,514)
	<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>		251,062,315	293,053,509
	1. Chi phí trả trước dài hạn		251,062,315	293,053,509
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8,155,559,422,434	8,214,867,659,138

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4,307,464,360,371	4,369,791,806,867
310	I. Nợ ngắn hạn		4,071,761,842,359	4,288,474,838,455
311	1. Phải trả người bán	16	35,229,578,380	95,083,181,151
312	2. Người mua trả tiền trước	16	58,395,652,008	50,922,176,605
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	18,271,986,000	14,996,206,489
314	4. Phải trả người lao động		1,589,236,151	1,451,975,333
315	5. Chi phí phải trả	18	130,608,793,234	595,787,421,024
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	381,948,689,177	504,029,349,684
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	3,193,313,194,157	1,237,242,487,769
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	252,033,330,018	1,788,376,260,327
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		371,383,234	585,780,073
330	II. Nợ dài hạn		235,702,518,012	81,316,968,412
333	2. Chi phí phải trả dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác		12,173,396,000	291,396,000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	223,529,122,012	81,025,572,412
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3,848,095,062,063	3,845,075,852,271
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	3,848,095,062,063	3,845,075,852,271
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2,751,293,100,000	2,751,293,100,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		807,235,430,600	807,235,430,600
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1,690,000)	(1,690,000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35,249,925,221	35,249,925,221
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		254,318,296,242	251,299,086,450
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		251,299,086,450	199,868,941,484
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3,019,209,792	51,430,144,966
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8,155,559,422,434	8,214,867,659,138

Nguyễn Thị Kim Dung
Người lập

Ngày 29 tháng 04 năm 2017

Đặng Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		268,804,965,718	82,966,888,938	268,804,965,718	82,966,888,938
2. Các khoản giảm trừ Doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	268,804,965,718	82,966,888,938	268,804,965,718	82,966,888,938
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	(243,897,363,113)	(75,842,698,139)	(243,897,363,113)	(75,842,698,139)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,907,602,605	7,124,190,799	24,907,602,605	7,124,190,799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	186,804,160	441,688,205	186,804,160	441,688,205
7. Chi phí tài chính	22	26	(8,422,165,726)	(4,429,005,064)	(8,422,165,726)	(4,429,005,064)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(8,402,271,126)	(4,347,636,912)	(8,402,271,126)	(4,347,636,912)
8. Chi phí bán hàng	25	25	(723,944,125)	(487,314,733)	(723,944,125)	(487,314,733)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	(2,421,507,562)	(2,572,231,810)	(2,421,507,562)	(2,572,231,810)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,526,789,352	77,327,397	13,526,789,352	77,327,397
11. Thu nhập khác	31	27	1,832,385,538	2,874,844,811	1,832,385,538	2,874,844,811
12. Chi phí khác	32	27	(8,326,732,027)	(250,000,000)	(8,326,732,027)	(250,000,000)
13. Lợi nhuận khác	40		(6,494,346,489)	2,624,844,811	(6,494,346,489)	2,624,844,811
14. Tổng LN kế toán trước thuế	50		7,032,442,863	2,702,172,208	7,032,442,863	2,702,172,208
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(4,013,233,071)	(505,524,806)	(4,013,233,071)	(505,524,806)
16. Thuế nhập thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3,019,209,792	2,196,647,402	3,019,209,792	2,196,647,402
Phân bổ:						
17.1 Lợi ích của CĐ KKS						
17.2 Cổ đông của Công ty						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Dung
Người lập

(Handwritten signature)

Đặng Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		7,032,442,863	2,702,172,208
2	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		3,164,351,203	2,934,714,674
3	Các khoản dự phòng		-	-
4	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		3,549,600	(119,342,458)
5	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,004,985,978)	(322,345,747)
6	Chi phí lãi vay		8,402,271,126	4,347,636,912
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17,597,628,814	9,542,835,589
9	Tăng giảm các khoản phải thu		11,062,132,069	(62,759,009,469)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		106,987,891,065	(212,266,407,376)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		1,533,717,435,150	183,297,915,566
12	Tăng giảm chi phí trả trước		(106,272,292)	(1,971,778,036)
13	Tiền lãi vay đã trả		(272,870,155,217)	(10,739,090,268)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(174,910,626)	(1,119,570,898)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		76,016,772	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(608,500,000)	(183,000,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1,395,681,265,735	(96,198,104,892)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(3,825,733,979)	(118,363,932,357)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi từ cho vay		580,000,000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(123,057,551,020)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		227,244,021	198,197,797
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3,018,489,958)	(241,223,285,580)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		229,402,624,900	426,698,137,554
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1,623,245,555,209)	(67,099,584,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1,393,842,930,309)	359,598,553,554

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

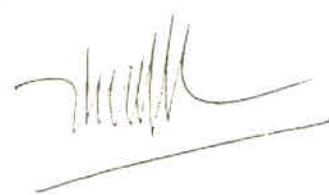
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1,180,154,532)	22,177,163,082
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		101,651,241,731	14,935,166,590
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		100,471,087,199	37,112,329,672



Nguyễn Thị Kim Dung
Người lập

Ngày 29 tháng 04 năm 2017



Đặng Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Loan
Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“KH&ĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 3 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán QCG, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 8 năm 2010 theo Quyết định số 156/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 27 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là phát triển và kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng công trình thủy điện và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Nhà máy Thủy điện Iagrai 1, tọa lạc tại Làng H’Lũ, Xã Ia Tô, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và một văn phòng đại diện tại Số 26, Đường Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 165

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ do có thời gian sử dụng là vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	2 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	2 – 5 năm
Phần mềm máy tính	2 – 4 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	30 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bất động sản hoàn thành

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro trọng yếu và lợi ích chuyển sang cho người mua, mà thông thường là cho hợp đồng không có điều kiện trao đổi. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện chủ yếu được đáp ứng.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	3.268.440.186	3.212.921.719
Tiền gửi ngân hàng	47.202.647.013	5.438.320.012
Các khoản tương đương tiền(i)	50.000.000.000	93.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>100.471.087.199</u>	<u>101.651.241.731</u>

(i) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm. Bao gồm trong các khoản tương đương tiền là số tiền là 50.000.000.000 VND đang được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh phong tỏa để bảo lãnh thanh toán cho các khách hàng mua nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án De Capella Quận 2 của Công ty.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	16.650.000.000	17.230.000.000
TỔNG CỘNG	<u>16.650.000.000</u>	<u>17.230.000.000</u>

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,5%/năm, và được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu các bên khác	71.712.587.106	61.676.763.164
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	21.529.493.546	58.855.078.624
TỔNG CỘNG	<u>93.242.080.652</u>	<u>120.531.841.788</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.003.339.977)	(1.003.339.977)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>92.238.740.675</u>	<u>119.528.501.811</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho các bên khác	84.353.956.044	23.852.497.150
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	122.257.058.286	68.327.031.136
TỔNG CỘNG	206.611.014.330	92.179.528.286
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(2.103.299.986)	(2.103.299.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	204.507.714.344	90.076.228.300

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ các bên khác	103.484.004.673	90.686.020.080
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	24.637.897.370	121.484.954.870
TỔNG CỘNG	128.121.902.043	212.170.974.950
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(9.447.690.000)	(9.447.690.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	118.674.212.043	202.723.284.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Bất động sản dở dang(*)	5.303.909.167.466	(32.600.951.757)	5.417.190.984.163	(32.600.951.757)
Hàng hóa bất động sản	71.240.684.555		74.744.957.068	-	
Nguyên vật liệu	30.784.610.717		28.409.189.449	-	
Chi phí sản xuất dở dang	49.498.236.065		46.609.348.717	-	
Thành phẩm	5.031.061.273		5.132.897.034	-	
Hàng gửi đi bán	921.342.469		921.342.469	-	
Hàng hóa khác	5.201.774.990		566.049.700	-	
TỔNG CỘNG	5.466.586.877.535	(32.600.951.757)	5.573.574.768.600	(32.600.951.757)	

(*) Bất động sản dở dang bao gồm các dự án đang trong quá trình triển khai như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Dự án khu dân cư Phước Kiến(i)	4.300.207.102.471		4.200.929.788.771	-
Dự án chung cư Giai Việt	295.648.942.316		507.509.352.207	-	
Dự án De Capella Quận 2	256.391.998.679		250.712.622.883	-	
Dự án khu dân cư lô 4 khu 6B(i)	150.513.419.263	(8.100.419.150)	182.780.248.634	(8.100.419.150)	
Dự án chung cư QCGL II	178.012.077.292	(21.714.052.814)	137.800.062.466	(21.714.052.814)	
Dự án Hải Châu	57.093.101.966		65.019.353.034	-	
Dự án chung cư The Mansion	34.518.691.595	(2.786.479.793)	37.916.304.331	(2.786.479.793)	
Dự án khu dân cư Trung Nghĩa	28.609.617.365		25.904.140.130	-	
Các dự án khác	2.914.216.519		8.619.111.707	-	
TỔNG CỘNG	5.303.909.167.466	(32.600.951.757)	5.417.190.984.163	(32.600.951.757)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03	Ngày 31 tháng 12
	năm 2017	Năm 2016
Đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")		
Dự án Tân Phong (i)	263.505.600.000	243.505.600.000
Khác	11.880.000.000	-
TỔNG CỘNG	275.385.600.000	243.505.600.000

- (i) Đây là khoản đầu tư của Công ty để phát triển dự án "Khu cao ốc Căn hộ - Thương mại ven sông Tân Phong" tại Khu đất số 4, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo Phụ lục hợp đồng số 2 của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 22/HĐKT/2008 ngày 11 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 50/HĐKT/2016 ngày 18 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận ("Tân Thuận"). Theo đó, Công ty và Tân Thuận sẽ cùng hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án này. Công ty sẽ được phân chia hiệu quả đầu tư (lợi nhuận hoặc lỗ) với tỷ lệ là 90%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	145.733.320.763	117.847.862.837	43.919.441.630	12.327.569.713	319.828.194.943
Mua mới trong năm					
Thanh lý			(2.601.278.333)		(2.601.278.333)
Số dư cuối năm	145.733.320.763	117.847.862.837	41.318.163.297	12.327.569.713	317.226.916.610
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	34.074.720.642	30.993.952.432	11.207.766.361	1.253.110.425	77.529.549.860
Khấu hao trong năm	1.830.919.554	994.557.165	314.292.978	6.405.453	3.146.175.150
Thanh lý			(2.601.278.333)		(2.601.278.333)
Số dư cuối năm	35.905.640.196	31.988.509.597	8.920.781.006	1.259.515.878	78.074.446.677
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	111.658.600.121	86.853.910.405	32.711.675.269	11.074.459.288	242.298.645.083
Số cuối năm	109.827.680.567	85.859.353.240	32.397.382.291	11.068.053.835	239.152.469.933

Tài sản cố định của Công ty đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo)
Cho quý 1 kế thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	47.568.600.000	154.969.120	47.723.569.120
Mua trong năm			
Số cuối năm	<u>47.568.600.000</u>	<u>154.969.120</u>	<u>47.723.569.120</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	83.130.947	83.130.947
Hao mòn trong năm	-	6.338.664	6.338.664
Số cuối năm		<u>89.469.611</u>	<u>89.469.611</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	47.568.600.000	71.838.173	47.640.438.173
Số cuối năm	<u>47.568.600.000</u>	<u>65.499.509</u>	<u>47.634.099.509</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án nông trường cao su(*)	291.816.228.003	287.984.365.734
Dự án thủy điện Iagrai 2	189.460.415.295	173.931.971.733
Dự án Võ Thị Sáu(**)	12.970.480.000	12.970.480.000
Khác	6.256.116.829	6.099.387.298
TỔNG CỘNG	<u>500.503.240.127</u>	<u>480.986.204.765</u>

(*) Dự án nông trường cao su đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo)
Cho quý 1 kế thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	Nhà cửa
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	27.412.370.931
Số dư cuối năm	<u>27.412.370.931</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	5.482.474.197
Khấu hao trong năm	<u>205.666.129</u>
Số dư cuối năm	<u>5.688.140.326</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>21.929.896.734</u>
Số dư cuối năm	<u>21.724.230.605</u>

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 03	Ngày 31 tháng 12
	năm 2017	Năm 2016
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 14.1)	758.509.090.930	758.509.090.930
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	<u>387.797.006.663</u>	<u>387.797.006.663</u>
TỔNG CỘNG	1.146.306.097.593	1.146.306.097.593
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(49.464.586.514)</u>	<u>(49.464.586.514)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>1.096.841.511.079</u>	<u>1.096.841.511.079</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo)
Cho quý 1 kế thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Ngày 31 tháng 03 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú ("HP")	55,5	206.891.539.910	(1.829.000.364)	205.062.539.546	55,5	206.891.539.910	(1.829.000.364)	205.062.539.546
Công ty TNHH Bến Du Thuyền Đà Nẵng ("DNM")	90	421.617.551.020	(12.203.391.326)	409.414.159.694	-	421.617.551.020	(12.203.391.326)	409.414.159.694
Công ty Cổ phần Thủy điện Quốc Cường ("QCE")	90	126.000.000.000	-	126.000.000.000	90	126.000.000.000	-	126.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Quốc Cường Phước Kiến ("QCPK")	80	4.000.000.000	-	4.000.000.000	80	4.000.000.000	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG		758.509.090.930	(14.032.391.690)	744.476.699.240		758.509.090.930	(14.032.391.690)	744.476.699.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

HP là công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKKD số 0304996978 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh. HP có trụ sở đăng ký tại số 11, Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của HP là đầu tư và xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, sản xuất và bán vật liệu xây dựng.

DNM là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo GCNĐKKD số 0401409110 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 1 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh. DNM có trụ sở đăng ký tại Phường Nại Thiên Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. Hoạt động đăng ký của DNM là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

QCE là công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKKD số 5900409267 do Sở KH&ĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 12 tháng 3 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh. QCE có trụ sở đăng ký tại Đường Nguyễn Chí Thanh, Tổ 1, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của QCE là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

QCPK là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy CNĐKKD số 0313299902 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 6 năm 2015. QCPK có trụ sở đăng ký tại số 26 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động đăng ký của QCPK là kinh doanh bất động sản, tư vấn xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và dịch vụ sửa chữa nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 03 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Quốc Cường Liên Á ("QCLA")	Bất động sản	31,39	148.580.815.384	(2.137.264.536)	146.443.550.848	31,39	148.580.815.384	(2.137.264.536)	146.443.550.848
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phạm Gia	Bất động sản	43,81	108.266.191.279	(534.905.549)	107.731.285.730	43,81	108.266.191.279	(534.905.549)	107.731.285.730
Công ty Cổ phần Giai Việt	Bất động sản	50	75.000.000.000	-	75.000.000.000	50	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Công ty TNHH Sparkle Values	Bất động sản	30	55.950.000.000	(32.760.024.739)	23.189.975.261	30	55.950.000.000	(32.760.024.739)	23.189.975.261
TỔNG CỘNG			387.797.006.663	(35.432.194.824)	352.364.811.839		387.797.006.663	(35.432.194.824)	352.364.811.839

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

15. CHI PHÍ LÃI VAY

VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản	36.540.151.465	183.771.059.091
Chi phí lãi vay (Thuyết minh số 26)	8.402.271.126	68.175.878.745
TỔNG CỘNG	44.942.422.591	251.946.937.836

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên khác	32.005.838.777	24.890.334.677
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.223.739.603	70.192.846.474
TỔNG CỘNG	35.229.578.380	95.083.181.151

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	50.533.089.922	-
Các bên khác	7.862.562.086	50.922.176.605
TỔNG CỘNG	58.395.652.008	50.922.176.605

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.359.433.816	10.902.290.139
Thuế nhà thầu nước ngoài		900.764.854
Thuế khác	4.912.552.184	3.193.151.496
TỔNG CỘNG	18.271.986.000	14.996.206.489

Công ty Cổ phần Quốc Cường – Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 Năm 2016
Ngắn hạn	130.608.793.234	595.787.421.024
Lãi vay(*)	98.445.286.204	563.491.232.474
Khác	32.163.507.030	32.296.188.550
Dài hạn		-
Lãi vay phải trả		-
TỔNG CỘNG	<u>130.608.793.234</u>	<u>595.787.421.024</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện số tiền mà Công ty đã xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng cho khách hàng mua căn hộ ứng trước tiền theo tiến độ hợp đồng mua bán. Chi tiết theo dự án như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 Năm 2016
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	381.948.689.177	504.029.349.684
TỔNG CỘNG	<u>381.948.689.177</u>	<u>504.029.349.684</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 Năm 2016
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.629.418.267.758	977.546.267.758
Phải trả bên khác	1.563.894.926.399	259.696.220.011
TỔNG CỘNG	<u>3.193.313.194.157</u>	<u>1.237.242.487.769</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá hối đoái	Ngày 31 tháng 03 năm 2017
					VND
Vay ngắn hạn	1.788.376.260.327	86.902.624.900	(1.623.245.555.209)		252.033.330.018
Vay dài hạn đến hạn trả	1.398.222.390.127	7.500.000.000	(1.383.555.555.209)		22.166.834.918
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	291.300.000.000	79.402.624.900	(239.690.000.000)		131.012.624.900
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.2)	98.853.870.200				98.853.870.200
Vay dài hạn	81.025.572.412	150.000.000.000	(7.500.000.000)	3.549.600	223.529.122.012
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	81.025.572.412	150.000.000.000	(7.500.000.000)	3.549.600	223.529.122.012
TỔNG CỘNG	1.869.401.832.739	236.902.624.900	(1.630.745.555.209)	3.549.600	475.562.452.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>			<i>(%/năm)</i>	
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng	46.000.000.000	Ngày 27 tháng 09 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	Từ 8 đến 10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên 6 lô đất tọa lạc tại Đường Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	85.012.624.900	Ngày 29 tháng 09 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	Từ 6,2 đến 8,5	Vườn cao su tọa lạc tại số 919A, 920, 924 và 928 tại Xã Ia Puch, Huyện Chư Rông, Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi từ tài khoản tiền gửi của Công ty
CỘNG	131.012.624.900				

21.2 Vay cá nhân

Đây là khoản vay tín chấp với số tiền 98.853.870.200 VND từ ông Nguyễn Thành Lân để tài trợ cho dự án Hải Châu của Công ty có thời hạn mười hai (12) tháng với lãi suất 11,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

21. VAY(tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	79.382.133.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Tài trợ dự án công trình thủy điện lagrai 1	6,9	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD350885 tại xã Ia Grăng và Ia Tô, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	150.000.000.000	Ngày 02 tháng 04 năm 2029	Tài trợ dự án công trình thủy điện lagrai 2	8,4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nguyễn Chí Thanh 3 034m2 tại Phường Trà Bá- Pleiku- Gia Lai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cao su BI 727046 tại Xã Ia Puch - Huyện Chư Rông- Tỉnh Gia Lai , giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án thủy điện lagrai 2
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Đà Nẵng					
- Khoản vay VND	7.438.622.614	Ngày 21 tháng 8 năm 2019	Tài trợ dự án công trình thủy điện lagrai 1	10	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với 6 lô đất tọa lạc tại Đường Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Khoản vay USD	8.875.201.316	Ngày 21 tháng 8 năm 2019	Tài trợ dự án công trình thủy điện lagrai 1	5,5	
TỔNG CỘNG	245.695.956.930				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	22.166.834.918				
Vay dài hạn	223.529.122.012				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.751.293.100.000	807.235.430.600	(1.690.000)	35.249.925.221	251.299.086.450	3.845.075.852.271
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.019.209.792	3.019.209.792
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>2.751.293.100.000</u>	<u>807.235.430.600</u>	<u>(1.690.000)</u>	<u>35.249.925.221</u>	<u>254.318.296.242</u>	<u>3.848.095.062.063</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
<i>Vốn cổ phần góp của chủ sở hữu</i>		
Số đầu năm và số cuối năm	2.751.293.100.000	2.751.293.100.000

22.3 Cổ phiếu

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	275.129.310	275.129.310
Số cổ phiếu đã phát hành góp vốn đầy đủ	275.129.310	275.129.310
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	275.129.310	275.129.310
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	169	169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	169	169
Cổ phiếu đang lưu hành	275.129.141	275.129.141
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	275.129.141	275.129.141

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Tổng doanh thu		82.966.888.938
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bất động sản</i>	220.870.145.575	53.245.729.831
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	39.311.231.217	23.612.055.979
<i>Doanh thu bán điện</i>	8.623.588.926	6.109.103.128
Các khoản giảm trừ doanh thu		-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		-
Doanh thu thuần	268.804.965.718	82.966.888.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư		
Lãi tiền gửi	186.610.670	322.347.312
Khác	193.490	119.340.893
TỔNG CỘNG	<u>186.804.160</u>	<u>441.688.205</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Giá vốn bất động sản	200.069.942.351	45.490.984.721
Giá vốn bán hàng hóa	39.470.410.470	25.536.583.733
Giá vốn bán điện	4.357.010.292	4.815.129.685
TỔNG CỘNG	<u>243.897.363.113</u>	<u>75.842.698.139</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Chi phí bán hàng	723.944.125	487.314.733
- Chi phí hoa hồng môi giới		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.178.061	484.341.469
- Chi phí khấu hao	1.766.064	1.766.064
- Chi phí bán hàng khác		1.207.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.421.507.562	2.572.231.810
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.176.019	987.747.324
- Chi phí nhân viên	1.106.047.447	1.023.384.356
- Chi phí khấu hao	272.940.499	65.223.207
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	414.343.597	495.876.923
TỔNG CỘNG	<u>3.145.451.687</u>	<u>3.059.546.543</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Chi phí lãi vay	8.402.271.126	4.347.636.912
Lỗ từ việc thanh lý các khoản đầu tư		
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.549.600	72.698
Chi phí tài chính khác	<u>16.345.000</u>	<u>81.295.454</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.422.165.726</u>	<u>4.429.005.064</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Thu nhập khác	1.832.385.538	2.874.844.811
Lãi phạt chậm thanh toán	788.066.422	149.318.808
Thu do thanh lý hợp đồng mua căn hộ		2.818.700.474
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	818.181.818	
Thu nhập khác	226.137.298	(93.174.471)
Chi phí khác	(8.326.732.027)	(250.000.000)
Tiền phạt	(1.702.229.178)	
Lỗ từ thanh lý tài sản		
Chi phí khác	<u>(6.624.502.849)</u>	<u>(250.000.000)</u>
LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC	<u>(6.494.346.489)</u>	<u>2.624.844.811</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như sau:

- ▶ Đối với hoạt động bất động sản và các hoạt động khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).
- ▶ Đối với hoạt động thủy điện: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm từ ngày thành lập, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm dự án bắt đầu hoạt động (năm 2012) và được giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất hiện hành trong các năm sau đó.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	<i>Quý 1/2017</i>	<i>31/12/2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.880.218.271	15.067.186.109
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) Trong những năm trước	2.133.014.800	2.390.121.834
TỔNG CỘNG	<u>4.013.233.071</u>	<u>17.457.307.943</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Bà Hồ Diệu Thảo	Bên liên quan	Chuyển nhượng dự án Võ Thị Sáu	14.543.554.840
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đầu tư Phát triển Nhà Hưng Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.919.937.750
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Bên liên quan	Bán hàng hóa	66.000.956
TỔNG CỘNG			<u>21.529.493.546</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đầu tư Phát triển Nhà Hưng Thịnh	Bên liên quan	Xây dựng	63.978.378.706
Công ty Cổ phần Khang Hưng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	58.278.679.580
TỔNG CỘNG			<u>122.257.058.286</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Giai Việt	Bên liên quan	Mượn tiền	8.012.092.372
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phạm Gia	Công ty liên kết	Mượn tiền	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	Công ty con	Mượn tiền	100.804.998
Bà Lại Thị Hoàng Yến	Cổ đông	Mượn tiền	7.995.000.000
Bà Đặng Thị Bích Thủy	Trưởng ban kiểm soát	Chuyển nhượng cổ phần QCLA	1.030.000.000
TỔNG CỘNG			<u>24.637.897.370</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Cường Land	Bên liên quan	Dịch vụ môi giới	1.801.259.603
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đại Nam	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.230.480.000
Bà Nguyễn Thị Như Loan	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Thuê văn phòng	192.000.000
TỔNG CỘNG			<u>3.223.739.603</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty TNHH Bến du thuyền Đà Nẵng	Công ty con	Mượn tiền	377.925.000.000
Công ty TNHH Bắc Phước Kiên	Bên liên quan	Mượn tiền	810.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	Công ty con	Mượn tiền	175.414.228.885
Công ty Cổ phần Thủy điện Quốc Cường	Công ty con	Mượn tiền	38.305.088.686
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đầu tư Phát triển Nhà Hưng Thịnh	Bên liên quan	Mượn tiền	17.874.632.360
Ông Lại Thế Hà	Bên liên quan	Mượn tiền	14.250.000.000
Ông Hồ Viết Mạnh	Cổ đông	Mượn tiền	45.500.250.000
Công ty TNHH Bất động sản Quốc Cường Phước Kiên	Công ty con	Mượn tiền	4.000.000.000
Bà Lại Thị Hoàng Yến	Bên liên quan	Lãi	914.893.619
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Cổ đông	Mượn tiền	79.000.000.000
Ông Lâu Đức Duy	Cổ đông	Lãi	404.174.208
Bà Hồ Diệu Thảo	Bên liên quan	Mượn tiền	43.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Như Loan	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Mượn tiền	22.230.000.000
TỔNG CỘNG			<u>1.629.418.267.758</u>

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Đại Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Cường Land	Bên liên quan	Nhận đặt cọc	360.000.000
Công ty Cổ phần Khang Hưng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	48.573.089.922
TỔNG CỘNG			<u>50.533.089.922</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

30. CHÊNH LỆCH DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

CHỈ TIÊU	% Tăng/ giảm	VND	
		Quý 1/2017	Quý 1/2016
Tổng doanh thu HĐ kinh doanh, tài chính, khác	313,9	270.824.155.416	86.283.421.954
Trong đó :			
Doanh thu HĐ kinh doanh		268.804.965.718	82.966.888.938
Doanh thu HĐ tài chính		186.804.160	441.688.205
Doanh thu HĐ khác		1.832.385.538	2.874.844.811
Chi phí giá vốn , tài chính và chi phí khác	315,6	263.791.712.553	83.581.249.746
Trong đó :			
Giá vốn hàng bán		243.897.363.113	75.842.698.139
Chi phí tài chính		8.422.165.726	4.429.005.064
Chi phí kinh doanh		3.145.451.687	3.059.546.543
Chi phí khác		8.326.732.027	250.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	260,2	7.032.442.863	2.702.172.208

- Nguyên nhân tăng (giảm) HĐKD trong quý 1/2017 so với quý 1/2016

+ Doanh thu: Tổng doanh thu các hoạt động trong quý 1 năm 2017 tăng **313,9%** so với quý 1 năm 2016 tương ứng với giá trị **270.824/86.283(trở)= 184.540trở**

Nguyên nhân doanh thu trong kỳ tăng hơn so với cùng kỳ năm trước là do trong kỳ công ty đã bàn giao căn hộ và đất nền các dự án cho khách hàng.

+ Chi phí: Giá vốn, chi phí tài chính và chi phí khác quý 1 năm 2017 tăng **315,6%** so với quý 1 năm 2016 tương ứng với giá trị **263.791/83.591(trở)= 180.210trở**.

Nguyên nhân cơ bản của việc tăng này là do ảnh hưởng từ nguyên nhân tăng doanh thu như đã phân tích ở trên.

Lợi nhuận: Lợi nhuận quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 với mức độ: **7.032/2.702(trở) = 4.330trở** tương ứng với tỷ lệ tăng là **260,2%**.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

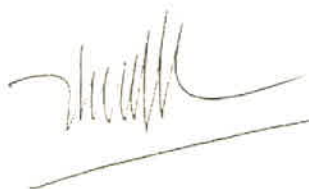
31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ I/2017

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý I/2017 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Kim Dung
Người lập

Ngày 29 tháng 4 năm 2017



Đặng Thị Bích Thủy
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Như Loan
Tổng Giám đốc